TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T
TỈNH PHÚ THỌ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc

Bản án số: 07/2019/HNGĐ-ST
Ngày 18/7/2019
"*V/v: Hôn nhân và Gia đình"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TỈNH PHÚ THỌ

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đinh Văn Chí.
Các Hội thẩm nhân dân: Bà Hoàng Thị Kim Xuyến và bà Nguyễn Thị Hường.
Thư ký phiên tòa: Ông Đinh Văn Côn -Thẩm tra viên của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Phú Thọ.

Ngày 18 tháng 7 năm 2019 tại phòng xử án của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 138/2019/TLST- HNGĐ ngày 17 tháng 6 năm 2019 về việc "Hôn nhân và gia đình" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 7 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh **Phùng Sinh P**, sinh năm 1973;

Địa chỉ: Thôn Đ, xã C, huyện V, tỉnh Yên Bái, có mặt.

Người bảo vệ quyền lợi cho nguyên đơn: Ông **Lã Thành Công** - Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Phú Thọ, có mặt.

Bị đơn: Chị **Triệu Thị V**, sinh năm 1975;

Địa chỉ: Khu M, xã T, huyện T, tỉnh Phú Thọ, có mặt.

Người bảo vệ quyền lợi cho bị đơn: Ông **Bùi Đức Dũng** - Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Phú Thọ, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 12/6/2019 và những lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn anh Phùng Sinh P trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Triệu Thị V chung sống như vợ chồng từ năm 1993 tại xã T, huyện Th (nay là huyện T, tỉnh Phú Thọ). Hai bên được gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục, tập quán của địa phương nhưng không đăng ký kết hôn tại cơ quan có thẩm quyền. Đến năm 2000 anh; chị về quê anh P tại thôn Đ, xã C, huyện V, tỉnh Yên Bái chung sống hạnh P đến năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm. Kể từ thời điểm đó đến nay, anh chị đã sống ly thân chấm dứt mọi quan hệ tình cảm. Vì vậy, anh P đề nghị Tòa án nhân dân huyện T cho anh được ly hôn anh chị V.

Về con chung: Quá trình chung sống anh chị có ba con chung Phùng Xuân N, sinh ngày 06/10/1993; Phùng Thị V sinh ngày 12/01/1995 và Phùng Xuân L, sinh ngày 22/12/1996. Khi ly hôn anh P không đề nghị Tòa án giải quyết việc nuôi con chung vì các cháu đã thành niên trên 18 tuổi đã lao động tự túc được.

Về tài sản chung, công nợ và công sức: Anh P không đề nghị Tòa án giải quyết

Tại bản tự khai, biên bản hòa giải ngày 20/6/2019 và tại phiên tòa bị đơn chị Triệu Thị V trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị V xác nhận thời điểm hai bên chung sống như vợ chồng, mâu thuẫn phát sinh, thời gian ly thân như anh P trình bày là đúng. Nay anh P xin ly hôn, chị đồng ý.

Về con chung: Chị V xác nhận vợ chồng có ba con chung như anh P đã trình bày. Chị đồng ý với quan điểm của anh P không đề nghị Tòa án giải quyết vì các cháu đã thành niên lao động tự túc được.

Về tài sản chung; công nợ và công sức: Chị xác nhận theo như anh P đã trình bày là đúng, chị đồng ý với quan điểm của anh P không đề nghị Tòa án giải quyết.

Quan điểm người bảo vệ quyền lợi cho Nguyên đơn: Việc anh P; chị V chung sống với nhau như vợ chồng không có Đăng ký kết hôn nên không được pháp luật thừa nhận. Hai bên sống ly thân từ năm 2014 đến nay, vậy đề nghị Hôi đồng xét xử không công nhận anh P; chị V là vợ chồng. Về con chung; tài sản; công nợ và công sức: Đồng ý với ý kiến của anh P; chị V không đặt ra giải quyết.

Quan điểm người bảo vệ quyền lợi cho Bị đơn: Đồng ý với quan điểm của Nguyên đơn; Bị đơn do anh P; chị V không Đăng ký kết hôn nên căn cứ vào khoản 2 Điều 53 của luật Hôn nhân và gia đình đề nghị Hôi đồng xét xử tuyên không công nhận anh P; chị V là vợ chồng. Về con chung; tài sản; công nợ và công sức nhất trí với quan điểm của các bên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về trình tự, thủ tục tố tụng: Anh P có đơn khởi kiện, yêu cầu Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Phú Thọ cho anh xin được ly hôn với chị V. Căn cứ khoản 1 Điều 28 và điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Phú Thọ.

[2] **Về quan hệ hôn nhân:** Năm 1993, anh P; chị V được gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục chung, nhưng hai bên không Đăng ký kết hôn theo đúng quy định của Luật hôn nhân và gia đình năm 1986. Sau đó, anh P; chị V cũng không đăng ký kết hôn theo hướng dẫn tại điểm b, mục 3 của Nghị quyết số 35/2000/NQ-QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc Hội cụ thể: *" Nam và nữ chung sống với nhau như vợ chồng từ ngày 03 tháng 01 năm 1987 đến ngày 01 tháng 01 năm 2001, mà có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này thì có nghĩa vụ đăng ký kết hôn*

trong thời hạn hai năm, kể từ ngày Luật này có hiệu lực cho đến ngày 01 tháng 01 năm 2003…”. Như vậy, căn cứ vào quy định được viện dẫn nêu trên, đối chiếu với sự kiện pháp lý phát sinh giữa anh P; chị V thì quan hệ hôn nhân giữa hai anh chị chưa được pháp luật thừa nhận. Trong quá trình chung sống như vợ chồng, hai bên đã phát sinh mâu thuẫn dẫn đến việc ly thân từ năm 2014 đến nay. Kể từ thời điểm ly thân, hai bên đã chấm dứt mọi quan hệ về tình cảm, không quan tâm chăm sóc nhau. Hội đồng xét xử nhận thấy, quan hệ hôn nhân giữa anh anh P; chị V đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được và cả hai bên đều đề nghị xin được ly hôn. Bởi vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của anh P không công nhận anh P; chị V là vợ chồng.

[3] **Về con chung**: Anh P; chị V xác nhận có ba con chung Phùng Xuân N, sinh ngày 06/10/1993; Phùng Thị V sinh ngày 12/01/1995 và Phùng Xuân L, sinh ngày 22/12/1996 đã thành niên, lao động tự túc được không đề nghị Tòa án giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét việc chăm sóc, nuôi dương con chung sau khi ly hôn là phù hợp.

[4] **Về tài sản chung; công nợ và công sức:** Anh P; chị V đều không đặt ra việc giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] **Về án phí**: Anh P là nguyên đơn trong vụ án Hôn nhân và gia đình nên phải chịu án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1.**Về quan hệ hôn nhân:** Không công nhận anh Phùng Sinh P và chị Triệu Thị V là vợ chồng.

2.**Về con chung:** Anh P; chị V có ba con chung Phùng Xuân N, sinh ngày 06/10/1993; Phùng Thị V, sinh ngày 12/01/1995 và Phùng Xuân L, sinh ngày 22/12/1996 đã trưởng thành. Sau khi ly hôn anh P; chị V không đề nghị Tòa án giải quyết.

3. **Về tài sản chung; công nợ chung và công sức:** Anh P; chị V không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. **Về án phí:** Anh Phùng Sinh P phải chịu 300.000^{đ} (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm. Xác nhận anh P đã nộp 300.000^{đ} (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí, lệ phí tòa án theo Biên lai số 0002429 ngày 17/6/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Phú Thọ.

Các đương sự được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử P thẩm./.

Nơi nhận:
- VKSND huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Đinh Văn Chí

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T
TỈNH PHÚ THỌ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh P

T, ngày 04 tháng 01 năm 2019.

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi … giờ … phút, ngày 04 tháng 01 năm 2019.

Tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Phú Thọ.

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đinh Văn Chí.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Đức Nghị và bà Nguyễn Thị Hồng Bắc.

Tiến hành nghị án vụ án dân sự thụ lý số 211/2018/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 9 năm 2018 về " Hôn nhân va gia đình" giữa:

Nguyên đơn: Chị **Đỗ Thị Huệ**, sinh năm 1981;

Địa chỉ: Xóm Chiềng 2, xã Thu Cúc, huyện T, tỉnh Phú Thọ.

Bị đơn: Anh **Hà Văn Khối**, sinh năm 1976;

Địa chỉ: Xóm Chiềng 2, xã Thu Cúc, huyện T, tỉnh Phú Thọ.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1- Chị **Đỗ Thị Mạnh**, sinh năm 1984.

Địa chỉ: Xóm Bặn, xã Thu Cúc, huyện T, tỉnh Phú Thọ.

2- Bà **Hoàng Thị Nhon**, sinh năm 1949.

Địa chỉ: Xóm Chiềng 2, xã Thu Cúc, huyện T, tỉnh Phú Thọ.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU:

1- Về điều luật áp dụng:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53, Điều 81, Điều 82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ điểm a, đ khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Kết quả biểu quyết 3/3 các thành viên tán thành.

2- Về nội dung:

Tuyên xử:

Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận chị Đỗ Thị Huệ và anh Hà Văn Khối là vợ chồng.

Về con chung: Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự, cụ thể như sau: Giao cháu Hà Văn Khởi, sinh năm 1998 cho anh Hà Văn Khối được trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng đến khi thành niên. Giao cháu Hà Thị Hảo, sinh năm 2000 cho chị Đỗ Thị Huệ được trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng đến khi thành niên. Chị Huệ; anh Khối không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con chung nhưng có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Về tài sản chung: Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự, cụ thể như sau:

Tạm giao cho chị Đỗ Thị Huệ 10.000 m^2 đất Lâm nghiệp theo tờ bản đồ số 02 số thửa 116 có chỉ giới: A;B;E;F;A và chị Huệ được sử dụng số cây keo nằm trong diện tích đất này tại khu Liên Trung, xã Thu Cúc, huyện T, tỉnh Phú Thọ để chờ cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định *(kèm theo sơ đồ đo hiện trạng sử dụng đất do UBND xã Thu Cúc lập ngày 25/10/2018).*

Tạm giao cho anh Hà Văn Khối 12.054 m^2 đất Lâm nghiệp theo tờ bản đồ số 02 số thửa 116 có chỉ giới: B;C;M;N;D;E;B và anh Khối được sử dụng số cây keo nằm trong diện tích đất này tại khu Liên Trung, xã Thu Cúc, huyện T, tỉnh Phú Thọ để chờ cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định *(kèm theo sơ đồ đo hiện trạng sử dụng đất do UBND xã Thu Cúc lập ngày 25/10/2018).*

Về công nợ và công sức đóng góp: Không xem xét giải quyết vì chị Huệ; anh Khối không yêu cầu.

Về án phí: Chị Đỗ Thị Huệ phải chịu 300.000^đ (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm và chị tự nguyện chịu toàn bộ án phí phân chia tài sản là 1.666.500^đ (một triệu sáu trăm sáu mươi sáu nghìn năm trăm đồng). Xác nhận chị Huệ đã nộp 300.000^đ (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí, lệ phí tòa án theo Biên lai số 0000774 ngày 18/9/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Phú Thọ. Chị Huệ còn phải nộp 1.666.500^đ (một triệu sáu trăm sáu mươi sáu nghìn năm trăm đồng) tiền án phí chia tài sản chung.

Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử P thẩm.

Trong trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 của

Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự ./.

Kết quả biểu quyết 3/3 các thành viên tán thành.

Nghị án kết thúc vào hồi ….. giờ ….. phút, ngày 04 tháng 01 năm 2019.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Đức Nghị **Nguyễn Thị Hồng Bắc** **Đinh Văn Chí**